

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HS-ST

Ngày: 17-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Dur

Ông Nguyễn Đại Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Huân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2017/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Dương C (tên gọi khác H), sinh ngày: 15/8/1995 tại huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Q, sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1960. Vợ, con: chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2017. Có mặt.

*** Người bị hại:**

1. Nguyễn Thị L, sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Khu phố J, phường A, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt.

2. Trần T, sinh năm: 1995; Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Nguyễn C, sinh năm: 1995; Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bùi G, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Khu phố J, phường A, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt.

2. Doãn Văn U, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Thôn O, xã M, huyện S, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Nguyễn I, sinh năm: 1991; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố D, phường B, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa. Hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V trong một vụ án khác. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 22/3/2017, chị Nguyễn Thị L đến nhà anh Nguyễn B ở thôn N, xã Đ, thành phố V. Lúc này, Dương C (em của B) hỏi mượn xe mô tô biển số 85 B1-05.128 của chị L để đi công việc. Chị L đồng ý. Sau đó, C điều khiển xe đến phường N chơi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày C gặp Phùng V và rủ V cùng đi chơi. Đến ngày 26/3/2017, C nói với V thế xe mô tô 85B1-05.128 mượn của chị L lấy tiền tiêu xài. V nói “sao không trả cho người ta” thì C nói “không sao đâu bà chị nhiều xe lắm”. V đồng ý đi với C. Sau đó, C chở V đến nhà Doãn Văn U ở tổ dân phố N, phường C, thành phố V. V đứng ở ngoài đợi còn C vào gặp U, thế xe được 1.700.000 đồng. Tiếp theo, C đi trên đường tại khu vực phường C gặp người tên Y (chưa xác định rõ lai lịch) mua ma túy và cho V cùng sử dụng. Sau đó, V đi về nhà, còn C bỏ trốn.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 63/HĐĐG ngày 31/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố V kết luận: Xe mô tô trên trị giá 9.240.000 đồng.

Đến khoảng 03 giờ ngày 13/5/2017, C đi bộ trên đường tỉnh lộ 9 thuộc khu vực thôn N, xã Đ, thành phố V để tìm tài sản trộm cắp lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khi đến nhà anh Trần T ở thôn N, xã Đ, thành phố V; thấy cửa cổng không khóa nên C đi vào. C đến thấy cửa sổ phòng ngủ anh T mở, còn T đang nằm ngủ. Trên đầu giường, anh T để điện thoại di động Iphone 6S và chiếc ví da bên trong có 1.800.000 đồng. C lấy điện thoại và số tiền 1.800.000 đồng. Sau đó, C đi đến khu vực đường ray tàu hỏa phía sau Ủy ban nhân dân xã Đ gặp người tên Z (chưa xác định rõ lai lịch) mua 300.000 đồng ma túy sử dụng, còn điện thoại C giấu trong bụi cây gần đó. Lúc này, anh T đi tìm thì phát hiện C cùng tang vật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 65/HĐĐG ngày 07/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố V kết luận: Điện thoại trên trị giá 11.992.000 đồng.

Đến khoảng 17 giờ ngày 03/8/2017, C đi bộ đến dãy phòng trọ tại tổ dân phố L, phường K, thành phố V để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến nơi, C thấy trước cửa phòng anh Nguyễn C có xe mô tô hiệu Sirius biển số 59S1-345.48, có gắn chìa khóa ở ổ điện, không ai trông coi. C đến dắt xe mô tô trên rồi điều khiển ra huyện L tìm nơi tiêu thụ. Khi đến xã HT thì C gặp Nguyễn T nên hỏi T cầm thế xe. T đồng ý cầm thế xe trên được 2.600.000 đồng. Số tiền trên C mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 106/HĐĐG ngày 26/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố V kết luận: Xe mô tô trên trị giá 12.660.000 đồng.

Đối với Phùng V không có hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 85 B1-05.128 nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Doãn Văn U, Nguyễn T có hành vi nhận cầm thế xe mô tô cho Dương C nhưng U, T không biết tài sản do C phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với người tên Y, Z có hành vi bán ma túy cho Dương C (theo C khai nhận) hiện nay chưa xác định được lai lịch. Khi nào Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố V xác minh làm rõ, xử lý sau.

Bản cáo trạng số 75/VKS-HS ngày 30/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Dương C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo Dương C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C giữ nguyên nội dung bản cáo trạng số 75/VKS-HS ngày 30/11/2017, đề nghị Tòa án áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Dương C. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Dương C từ 06 tháng đến 09 tháng tù đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và từ 12 tháng đến 15 tháng tù đối với tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Thị L, Trần T và Nguyễn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi G đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Doãn Văn U yêu cầu bị cáo bồi thường 1.700.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho anh U 1.700.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn T không có ý kiến gì về lời khai của bị cáo, thống nhất với nội dung luận tội của Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án thể hiện bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực

hiện điều hợp pháp.

[2] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị cáo Dương C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của các người bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Dương C đã thực hiện những hành vi phạm tội như sau: Vào ngày 22/3/2017, tại nhà anh Nguyễn B ở thôn N, xã Đ, thành phố V; C có hành vi mượn xe mô tô 85B1-05.128 của chị Nguyễn Thị L. Sau đó, bỏ trốn để chiếm đoạt chiếc xe trên, trị giá chiếc xe là 9.240.000 đồng. Đến ngày 13/5/2017, tại nhà anh Trần T ở thôn N, xã Đ, thành phố C; C có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại Iphone 6S trị giá 11.992.000 đồng và số tiền 1.800.000 đồng của anh T. Tiếp tục ngày 03/8/2017, tại phòng trọ của anh Nguyễn C ở tổ dân phố L, phường K, thành phố V; C có hành vi lợi dụng sự sơ hở của anh C trong việc quản lý tài sản đã trộm cắp 01 xe mô tô 59S1-345.48, trị giá là 12.660.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 26.452.000 đồng.

Hành vi của bị cáo C có đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, cáo trạng số 75/VKS-HS ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo C về các điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý, sở hữu tài sản của người khác là một trong những khách thể quan trọng được Luật hình bảo vệ, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoài nghi lẫn nhau cho những người xung quanh. Bị cáo là thanh niên trong độ tuổi lao động nhưng không chăm chỉ, cố gắng làm việc nuôi sống bản thân mà 03 lần thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp tăng nặng “Phạm tội nhiều lần”. Do đó, cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

[2.1] Người bị hại Nguyễn Thị L, Trần T và Nguyễn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi G đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Doãn Văn Uvắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện yêu cầu bị cáo bồi thường 1.700.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường. Do đó, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh U 1.700.000 đồng.

[2.3] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bị cáo Dương C phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương C phạm các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Dương C 09 (chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc Dương C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 22 tháng 8 năm 2017).

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại Nguyễn Thị L, Trần T và Nguyễn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi G đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Buộc bị cáo Dương C phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Doãn Văn U 1.700.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quy định: Kể từ ngày anh Doãn Văn U có đơn yêu cầu thi hành án; nếu bị cáo Dương C không thi hành khoản tiền phải bồi thường thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Dương C phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo Dương C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người tham gia tố tụng khác vắng mặt có quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p V;
- Công an t.p V;
- CCTHADS t.p V;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công